# Đặc tả use case 1

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U001** |
| *Tên Use Case* | Xem giỏ hàng |
| *Mô tả* | Người dùng chọn vào chức năng xem giỏ hàng. Tùy vào số lượng hàng đã mua, hệ thống sẽ trả về cho người dùng thông tin của giỏ hàng bao gồm: tên hàng, danh mục của mặt hàng đó, số lượng và giá cả |
| *Actor* | Người dùng, hệ thống Bán Hàng Online |
| *Dữ liệu vào* | Sự kiện chọn vào chức năng xem giỏ hàng |
| *Dữ liệu ra* | Xuất ra thông tin giỏ hàng |
| *Kết quả* | Nếu giỏ hàng trống sẽ thông báo cho người dùng biết, ngược lại sẽ đưa ra tất cả thông tin về giỏ hàng hiện tại |
| *Tác động* | Lệnh được đưa ra bởi Người dùng. |

# Đặc tả use case 2

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U002** |
| *Tên Use Case* | Đánh giá sản phẩm |
| *Mô tả* | Người dùng chọn vào chức năng đánh giá sản phẩm. Người dùng đánh giá sản phẩm dựa vào thang điểm 5 sao, sau khi đánh giá sản phẩm bằng sao, người dùng có thể viết bình luận của mình về sản phẩm đó |
| *Actor* | Người dùng, hệ thống Bán Hàng Online |
| *Dữ liệu vào* | Sự kiện đánh giá sao của người dùng và phần bình luận |
| *Dữ liệu ra* | Dữ liệu được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu về sản phẩm đó và thông báo cho người dùng |
| *Kết quả* | Nếu đánh giá thành công, thì người dùng sẽ nhận được một thông báo đã đánh giá thành công, ngược lại không có gì xảy ra |
| *Tác động* | Lệnh được đưa ra bởi Người dùng. |

# Đặc tả use case 3

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U003** |
| *Tên Use Case* | Thêm sản phẩm vào mục yêu thích |
| *Mô tả* | Để dễ dàng trong việc lựa chọn nhanh những sản phẩm người dùng thường xuyên mua, hệ thống có sẵn chức năng thêm sản phẩm vào mục yêu thích nhằm giảm thời gian cho việc mua sắm, khi người dùng sử dụng hệ thống này thường xuyên |
| *Actor* | Người dùng, hệ thống Bán Hàng Online |
| *Dữ liệu vào* | Sự kiện thêm sản phẩm vào mục yêu thích của người dùng |
| *Dữ liệu ra* | Dữ liệu được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu |
| *Kết quả* | Nếu thêm sản phẩm vào mục yêu thích thành công, thì khi vào mục yêu thích của mình sẽ xuất hiện sản phẩm đó, ngược lại không có gì xảy ra |
| *Tác động* | Lệnh được đưa ra bởi Người dùng. |

# Đặc tả use case 4

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U004** |
| *Tên Use Case* | Quên mật khẩu |
| *Mô tả* | Khi người dùng không đăng nhập được vào hệ thống vì quên mật khẩu, thì hệ thống cung cấp chức năng quên mật khẩu giúp người dùng lấy lại mật khẩu dễ dàng, thông qua mail điện tử hoặc số điện thoại xác minh |
| *Actor* | Người dùng, hệ thống Bán Hàng Online |
| *Dữ liệu vào* | Địa chỉ mail điện tử |
| *Dữ liệu ra* | Mã xác nhận thay đổi mật khẩu được gửi qua mail điện tử |
| *Kết quả* | Nếu lấy lại mật khẩu thành công, hệ thống sẽ gửi một mã xác nhận đến mail điện tử mà người dùng đã đăng ký vào hệ thống trước đó, sau đó người dùng nhập mã xác nhận này để tiến hành đổi mật khẩu mới, ngược lại không có gì gửi đến mail điện tử |
| *Tác động* | Lệnh được đưa ra bởi Người dùng. |